

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP. CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2020/DS-ST
Ngày 29-9-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Viễn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Thanh Hải

Bà Nguyễn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 28/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 183/2020/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Ấp TH, xã TH, huyện CD, thành phố Cần Thơ “có mặt”

2. *Bị đơn:* Ông Phan Văn H sinh năm 1970. Nơi cư trú: Ấp 5, xã TP, huyện CD, thành phố Cần Thơ “vắng mặt”

3. *Người làm chứng:*

Bà Nguyễn Thị Lý, sinh năm 1970 “có mặt”

Ông Phan Văn A, sinh năm 1969 “có mặt”

Nơi cư trú: Ấp TH, xã TP, huyện CD, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 14/02/2020, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Vào năm 2010 bà có cho ông H vay 20 chỉ vàng 24K, lãi suất thỏa thuận 30.000đồng/chỉ/tháng, mục đích vay là để đầu tư kinh doanh trại cưa, hai bên có lập biên nhận nợ giấy tay ghi ngày 09/02/2010. Quá trình vay, ông H trả tiền lãi được 14.400.000đồng. Đến năm 2014 ông H trả được 09 chỉ vàng 24K. Từ năm 2015 đến nay, ông H không trả vốn và lãi. Bà N nhiều lần đòi ông H số nợ trên nhưng ông H hứa hẹn nhiều lần mà không thực hiện. Nay bà khởi kiện yêu cầu ông H trả cho bà 11 chỉ vàng 24K, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Phan Văn H được triệu tập nhiều lần để tiến hành hòa giải nhưng vắng mặt nên vụ án không hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Bà N yêu cầu ông H trả cho bà 11 chỉ vàng 24K, không yêu cầu tính lãi.

Ông H vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Về tố tụng, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, qua phân tích đánh giá chứng cứ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005, buộc ông H phải trả cho bà N 11 chỉ vàng 24K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Phan Văn H là bị đơn không có yêu cầu phản tố, được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về nội dung: Theo bà N trình bày năm 2010 bà có cho ông H vay 20 chỉ vàng 24K, có lập giấy biên nhận ngày 09/02/2010 (biên nhận do bà Nguyễn Thị L viết dùm), lãi suất thỏa thuận 30.000đồng/chỉ/tháng, quá trình vay ông H trả được tiền lãi 14.400.000đồng và 09 chỉ vàng 24K, từ năm 2015 đến nay không trả nữa. Bà N yêu cầu ông H phải trả cho bà số vàng còn lại là 11 chỉ vàng 24K. Xét thấy, theo biên nhận nợ nguyên đơn cung cấp ngày 09/02/2010 thể hiện ông H có mượn của bà N 20 chỉ vàng 24k, không có thỏa thuận về lãi suất, không ghi nhận việc trả vốn và trả lãi. Tuy nhiên quá trình tố tụng bà N thừa nhận ông H có trả 14.400.000đồng tiền lãi và 09 chỉ vàng 24K vốn. Ông H được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không có ý kiến gì về việc khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa, bà L và ông A xác định vợ chồng bà là người trực tiếp chứng việc vay vàng giữa bà N và ông H, các lần giao nhận vàng đều giao tại nhà vợ chồng bà. Xét

thấy, mặc dù biên nhận không phải trực tiếp do ông H viết và ký tên. Tuy nhiên tại phiên tòa người làm chứng xác định trực tiếp chứng kiến việc giao nhận vàng giữa bà N và ông H. Quá trình tố tụng nội dung khởi kiện của nguyên đơn, lời khai của người làm chứng và những chứng cứ tòa án thu thập được thông báo, niêm yết công khai tại nơi cư trú của ông H nhưng ông H không có ý kiến phản đối. Do đó, việc ông H vay nợ nhưng vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên bà N yêu cầu trả nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[3] Về án phí: Ông Phan Văn H phải nộp 5% án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số nợ ông H phải trả cho nguyên đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Giá vàng tại thời điểm xét xử loại vàng 24K có giá là 5.400.000đồng/chỉ, án phí được tính như sau: $11 \text{ chỉ} \times 5.400.000\text{đồng} = 59.400.000\text{đồng} \times 5\%$ là 2.970.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471; Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 17 Luật Phí và lệ phí; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc đòi nợ theo hợp đồng vay tài sản đối với ông Phan Văn H.

Buộc ông Phan Văn H phải trả cho bà Nguyễn Thị N 11 chỉ vàng 24K.

2. Về án phí: Ông Phan Văn H phải nộp 2.970.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị N được nhận lại 1.100.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 013026 ngày 26/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CD, thành phố Cần Thơ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, tuyên án có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân địa phương nơi cư trú hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TPCT;
- Đương sự;
- VKSND huyện CĐ;
- Chi cục THADS huyện CĐ;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Minh Viễn